

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-ST

Ngày 12 - 8 - 2021

V/v: *Kiến ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Tiến Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Tiến Hùng và bà Trần Thị Hải Yến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Hiền Tiến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thơm - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2021/TLST - HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2021/QĐST-HNGĐ ngày 15/6/2021, Quyết định hoãn phiên tòa ngày 16/7/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Thôn 6, xã T, huyện L, tỉnh Hà Nam.

- Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1995; nơi ĐKKHKT: Xóm 7 (nay là thôn 1), xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam; chỗ ở hiện nay: N, không rõ địa chỉ.

Tại phiên tòa có mặt chị H. Anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, lời khai được lưu trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị H có ý kiến như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn T đăng ký kết hôn ngày 16/6/2017 tại UBND xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam. Chị và anh T xây dựng gia đình với nhau hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Khi chị mang thai con đầu lòng, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách của chị và anh T không hợp nhau nên thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Ngoài ra do kinh tế gia đình khó khăn, dẫn đến mâu thuẫn về nhiều vấn đề khác, vợ chồng thường xảy ra cãi nhau. Sau khi sinh cháu Trần Hồng T1 được vài ngày cũng do mâu thuẫn vợ chồng nên chị xin phép gia đình chồng về nhà mẹ đẻ ở, khi đó gia đình chồng không đồng ý nhưng chị vẫn về, còn cháu T1 ở với bố cháu và ông bà nội. Sau đó mấy ngày, bố mẹ chồng chị gọi chị xuống để đón cháu T1 về. Khi cháu T1 được 8 tháng, bố mẹ chồng chị đón mẹ con chị về với gia đình chồng nhưng thời gian sau đó mâu thuẫn vợ chồng vẫn thường xuyên xảy ra, đỉnh điểm là vào lần anh T đánh chị làm chị phải đi viện điều trị một tuần. Sau khi ra viện, chị bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ đó đến nay. Khi đó sức khỏe của chị còn yếu nên bố mẹ chồng chị có bảo để cháu T1 cho ông bà chăm. Từ đó cháu T1 ở với ông bà nội. Cuối năm 2019, anh T đi xuất khẩu lao động tại N, ngay sau khi sang N, anh T liên lạc về thông báo cho chị biết về việc anh T sang N. Từ đó anh T cắt đứt mọi liên lạc với chị, chị cũng không có số điện thoại của anh T. Chị có hỏi bố mẹ chồng chị về địa chỉ của anh T thì bố mẹ chồng chị bảo không biết nên chị không biết địa chỉ cụ thể của anh T ở N.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã bị rạn nứt trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn T.

- Về con chung: Chị H và anh T có 01 con chung là cháu Trần Hồng T1, sinh ngày 27/11/2017, hiện cháu T1 sống cùng với ông bà nội của cháu là ông Trần Văn T2 và bà Trần Thị H2. Khi ly hôn, chị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T1 cho đến khi cháu T1 trưởng thành, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài nội dung nêu trên, chị không yêu cầu giải quyết vấn đề nào khác.

Ý kiến của ông Trần Văn T2 và bà Trần Thị H2 là bố mẹ đẻ của anh T lưu tại hồ sơ:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị H có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam ngày 16/6/2017; vợ chồng được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi cưới, vợ chồng anh T ở với vợ chồng ông bà được 01 tháng thì đi thuê nhà chỗ khác ở và ăn riêng. Do không ở cùng nên ông bà không biết anh T, chị H có xảy ra mâu thuẫn không. Ông bà chỉ biết anh T và chị H sống ly thân từ khi anh T đi xuất khẩu lao động tại Cộng hòa N vào cuối năm 2018. Từ khi sang N, anh T chưa về nước lần nào. Anh T không cho ông bà biết địa chỉ cụ thể của anh T, cũng không cho biết đời sống, mức lương, anh T cũng

không lần nào gửi tiền, tài sản gì khác cho ông bà còn anh T và chị H có liên lạc với nhau hay không, có gửi tiền cho chị H hay không thì ông bà không biết. Anh T vẫn liên lạc với ông bà qua điện thoại nhưng do có nhiều số điện thoại khác nhau nên ông bà không nhớ để cung cấp được cho Tòa án. Nay chị H xin ly hôn anh T, ông bà đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Ông bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án liên quan đến việc chị H xin ly hôn anh T và có trách nhiệm thông báo lại ngay nội dung các văn bản đó để anh T biết khi liên lạc với ông bà, còn việc anh T có văn bản ý kiến về việc chị H xin ly hôn với anh T hay không là quyền của anh T. Tuy nhiên từ khi ông bà nhận được các văn bản như Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định xét xử, do không biết địa chỉ cụ thể của anh T nên ông bà không thông báo được. Ông bà cũng biết được Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam thông báo niêm yết các văn bản trên tại nhà văn hóa thôn, trụ sở UBND xã H. Ông bà nhận được Quyết định hoãn phiên tòa (ấn định thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa vào hồi 07 giờ 30 phút ngày 12/8/2021 tại trụ sở TAND tỉnh Hà Nam), nếu có thông tin của anh T, ông bà sẽ thông báo. Ông bà xin được vắng mặt tại phiên tòa ngày 12/8/2021. Nếu ông bà không thông báo được cho anh T thì đề nghị TAND tỉnh Hà Nam xét xử vắng mặt anh T.

- Về con chung: Chị H và anh T có 01 con chung là cháu Trần Hồng T1, sinh ngày 27/11/2017, hiện ông bà đang nuôi dưỡng cháu. Thực tế chị H không chăm sóc nuôi dưỡng gì từ khi cháu được 10 ngày tuổi, đến 05 ngày sau lại xin về ở nhà bố mẹ để được 04 tháng thì không trực tiếp nuôi dưỡng cháu cho đến nay, cũng không trợ cấp, thăm hỏi cháu. Nay chị H xin ly hôn, do anh T ở xa nên ông bà đề nghị giao cháu T1 cho ông bà nuôi vì cháu ở với ông bà từ nhỏ đến nay.

- Về tài sản chung, công nợ: Anh T, chị H không có tài sản chung cũng như không nợ vợ chồng ông bà và người khác.

Ông bà đề nghị khi nào có Bản án thì Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam thông báo, gửi cho ông bà biết, khi có địa chỉ của anh T ông bà gửi để anh T thực hiện quyền của mình theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của UBND xã H:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn T và chị Trần Thị H đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam ngày 16/6/2017. Quá trình chung sống, vợ chồng chị H, anh T có phát sinh mâu thuẫn hay không cũng như nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn của vợ chồng (nếu có) thì địa phương không nắm được. Địa phương chỉ biết thông tin anh T đi xuất khẩu lao động tại N từ cuối năm 2018, từ đó đến nay chưa về Việt Nam lần nào. Do vậy, chị H và anh T đã không chung sống cùng nhau từ đó đến nay.

Về số điện thoại, địa chỉ của anh Trần Văn T ở N thì địa phương không nắm được vì chị H và bố mẹ anh T là ông Trần Văn T2 và bà Trần Thị H2 cũng không rõ địa chỉ, không biết số điện thoại của anh T ở N.

Nay chị Trần Thị H đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn T, quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật trên cơ sở lời trình bày của chị H, thời gian chị H và anh T không chung sống cùng nhau...

- Về con chung: Chị Trần Thị H và anh Trần Văn T có một con chung là cháu Trần Hồng T1, sinh ngày 27/11/2017. Hiện cháu đang ở cùng ông bà nội của cháu là ông Trần Văn T2 và bà Trần Thị H2 tại Xóm 7 (nay là thôn 1), xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam. Khi đề nghị giải quyết ly hôn, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T1, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cùng chị, quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật, bảo đảm quyền lợi cho cháu T1.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Chị H không yêu cầu giải quyết, nên địa phương không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa: Chị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, chị xác định anh T sang lao động tại N cuối năm 2018 và nộp giấy ra viện ngày 27/11/2018 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Lạng Sơn, lý do chị phải đi điều trị là do anh T đánh chị bị vỡ lách phải phẫu thuật, vì sức khỏe của chị không ổn định nên cháu T1 phải ở với ông bà nội của cháu.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn thuộc trường hợp giấu địa chỉ nên không có lời khai gửi Tòa án.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 123 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí: Xử cho ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Trần Văn T; về con chung: Giao cháu Trần Hồng T1, sinh ngày 27/11/2017 cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung; án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Trần Văn T đang sinh sống tại N nên Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam thụ lý, giải quyết đơn ly hôn của chị Trần Thị H là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 37 và điểm a khoản 2 Điều 38, Điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh T thông qua bố mẹ đẻ anh T và yêu cầu thông báo cho anh T biết và gửi lời khai về Tòa án nhưng do bố mẹ đẻ anh T không biết địa chỉ nơi sinh sống, làm việc, số điện thoại của anh T tại N nên xác định anh T cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết cho Tòa án theo hướng dẫn của Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ. Vì vậy, Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Thị H và anh Trần Văn T đăng ký kết hôn ngày 16/6/2017 tại UBND xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian đầu. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị H trình bày là do tính cách của chị H và anh T không hợp nhau nên thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Ngoài ra do kinh tế gia đình khó khăn, dẫn đến mâu thuẫn về nhiều vấn đề khác, vợ chồng thường xảy ra cãi nhau, đặc biệt từ khi anh T đánh chị H vỡ lá lách phải nằm điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Lạng Sơn theo giấy ra viện ngày 27/11/2018. Cho đến cuối năm 2018, anh T đi xuất khẩu lao động tại N, ngay sau khi sang N, anh T liên lạc về thông báo cho chị H biết về việc anh T sang N. Từ đó anh T cắt đứt mọi liên lạc với chị H, chị H cũng không có số điện thoại của anh T. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng đã bị rạn nứt trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Hội đồng xét xử xét thấy tuy anh T không có quan điểm về nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng, nhưng việc chị H và anh T sống ly thân là đúng, trên cơ sở lời khai của chị H xác định tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh T không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được

nên cần xử cho chị H và anh T ly hôn là phù hợp với quy định tại điều 56 và điều 127 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Chị H và anh T có 01 con chung là cháu Trần Hồng T1, sinh ngày 27/11/2017, hiện cháu T1 sống cùng với ông bà nội của cháu là ông Trần Văn T2 và bà Trần Thị H2. Khi ly hôn, chị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T1 cho đến khi cháu T1 trưởng thành, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Bố mẹ đẻ anh T là ông Trần Văn T2 và bà Trần Thị H2 có nguyện vọng đề nghị Tòa án giao cháu T1 cho ông bà nuôi dưỡng vì anh T đang ở xa, mặt khác cháu đã ở với ông bà từ bé, ông bà đang cho cháu ăn học. Xét việc giao con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1 là đảm bảo quyền lợi cho cháu vì anh T đang lao động tại N, không rõ địa chỉ nên không có điều kiện trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng cháu, trong khi giữa chị H và anh T không có sự thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, chị H cũng không nhất trí giao cháu T1 cho ông T3, bà H2 trông nom, nuôi dưỡng, hơn nữa hiện nay chị H có cuộc sống ổn định, đang ở cùng bố mẹ đẻ của chị, cháu T1 là con gái còn nhỏ đang trong giai đoạn phát triển toàn diện về thể chất và tâm sinh lý, cần sự hướng dẫn, chỉ bảo, chăm sóc của người mẹ, do đó nguyện vọng của chị H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T1 là chính đáng; anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Ngoài nội dung nêu trên, chị H không yêu cầu giải quyết vấn đề nào khác.

Vì anh T đang ở N, không rõ địa chỉ và không có ý kiến tại Tòa án, do đó khi anh T trở về Việt Nam mà phát sinh tranh chấp về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, về tài sản chung, công nợ chung thì sẽ giải quyết bằng một vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 264, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 469 và Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 121, 122, 123, 127 Luật hôn nhân và gia đình; Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Trần Văn T.

2. Về con chung: Giao chị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Hồng T1, sinh ngày 27/11/2017 cho đến khi đủ 18 tuổi, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở.

Trường hợp anh T có tranh chấp về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, về tài sản chung, công nợ chung sẽ giải quyết bằng một vụ án khác khi đương sự có đơn yêu cầu.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị H phải nộp 300.000đ. Đối trừ số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2015/0005728 ngày 19/4/2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam, chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Báo cho chị H có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện KSND tỉnh Hà Nam;
- Cục THADS tỉnh Hà Nam;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đinh Tiến Hùng

